

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG ĐA PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG ĐA PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DA PHUC INVESTMENT AND CONSTRUCTION TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108168840

**3. Ngày thành lập:** 21/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đa Phúc, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944336650

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                      | 1629        |
| 2.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                         | 2392        |
| 3.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ. | 4789        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                           | 5229        |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                         | 4100(Chính) |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                     | 4210        |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                    | 4290        |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                        | 4311        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                         | 4321        |
| 10. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                            | 2394        |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                        | 7710        |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                           | 7730        |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                       | 8110        |
| 14. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                        | 8129        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                      | 7020        |
| 16. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                      | 2395        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659 |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.                                                                                                                                                                                  | 4663 |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4669 |
| 20. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4753 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4759 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4931 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4932 |
| 26. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8130 |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;<br>- Thiết kế máy móc và thiết bị;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. | 7110 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322 |
| 30. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1622 |
| 31. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8121 |
| 32. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2829 |
| 33. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                           | 4649 |
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 35. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4220 |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329 |
| 38. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330 |
| 39. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390 |
| 40. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết: - Cửa, xẻ và bào gỗ<br>- Bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1610 |
| 41. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1621 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                             | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VIẾT ĐIỆN | Khu 2 Chu Chương, Xã Minh Châu, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                          | Cổ phần phổ thông | 240.000    | 2.400.000.000         | 40,000    | 001085018531                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                                  | Tổng số           | 240.000    | 2.400.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHAN TRỌNG HIẾU  | Phòng 101b nhà A6 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 50,000    | 001082022604                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                                  | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THU HOÀI    | Phòng 101b nhà A6 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 10,000    | 013134578                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                                  | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                  |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN TRỌNG HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082022604

Ngày cấp: 24/05/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQLQ cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 101b nhà A6 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 101b nhà A6 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội